

PHỤ LỤC

Hạn mức giao dịch các dịch vụ ngân hàng điện tử

(đính kèm Công văn số 5440 /NHNo-NCPT ngày 27/6/2019)

STT	Tên dịch vụ/giao dịch	Hạn mức tối thiểu/ giao dịch (VND)	Hạn mức tối đa /giao dịch (VND)	Hạn mức tối đa /ngày (VND)
I Internet Banking				
1.1	Khách hàng cá nhân			
1.1.1	Chuyển khoản trong hệ thống Agribank			
a	Hạn mức mặc định			
-	SMS OTP Token OTP cơ bản không có mã PIN (1)	10.000	100.000.000	100.000.000
-	Token OTP cơ bản có mã PIN (2) Soft OTP cơ bản có mã PIN (3)	10.000	300.000.000	1.200.000.000
-	Token OTP nâng cao (4) Soft OTP nâng cao (5)	10.000	500.000.000	3.000.000.000
b	Hạn mức đặc biệt		Chưa áp dụng	
1.1.2	Chuyển khoản nhanh liên ngân hàng 24/7			
a	Hạn mức mặc định			
-	SMS OTP Token OTP cơ bản không có mã PIN	20.000	50.000.000	100.000.000
-	Token OTP cơ bản có mã PIN Soft OTP cơ bản có mã PIN Token OTP nâng cao Soft OTP nâng cao	20.000	100.000.000	1.000.000.000
b	Hạn mức đặc biệt		Chưa áp dụng	
1.1.3	Tiền gửi trực tuyến	1.000.000	Không áp dụng hạn mức tối đa	
1.2	Khách hàng tổ chức (*)			
1.2.1	Chuyển khoản trong hệ thống Agribank			
a	Hạn mức mặc định			
-	Token OTP cơ bản có mã PIN Soft OTP cơ bản có mã PIN	10.000	900.000.000	9.000.000.000
-	Token OTP nâng cao	10.000	990.000.000	30.000.000.000
-	Soft OTP nâng cao	10.000	5.000.000.000	30.000.000.000
b	Hạn mức đặc biệt (6)		10.000	6.000.000.000
1.2.2	Chuyển khoản nhanh liên ngân hàng 24/7			
a	Hạn mức mặc định			
	Token OTP cơ bản có mã PIN Soft OTP cơ bản có mã PIN Token OTP nâng cao Soft OTP nâng cao	20.000	300.000.000	2.500.000.000
b	Hạn mức đặc biệt		Chưa áp dụng	



STT	Tên dịch vụ/giao dịch	Hạn mức tối thiểu/ giao dịch (VND)	Hạn mức tối đa /giao dịch (VND)	Hạn mức tối đa /ngày (VND)
II SMS Banking				
2.1	Chuyển khoản trong hệ thống Agribank (ATransfer)		25.000.000	25.000.000
2.2	Thanh toán hóa đơn (APaybill)		25.000.000	25.000.000
2.3	Nạp tiền VnTopup, ví điện tử VnMart (tùy mệnh giá sản phẩm) (7)	10.000	500.000	2.000.000
III Agribank E-Mobile Banking				
3.1	Chuyển khoản (qua tài khoản) trong hệ thống Agribank			
a	SMS OTP (8)		50.000.000 (trong đó: xác thực bằng sinh trắc học hoặc mật khẩu đăng nhập: dưới 500.000đ/lần)	100.000.000
b	Soft OTP		50.000.000	300.000.000
3.2	Nạp tiền điện thoại, ví điện tử VnMart (tùy mệnh giá sản phẩm)	10.000	500.000	2.000.000
3.3	Thanh toán hóa đơn, Thương mại điện tử, Thanh toán qua mã QR (mua hàng hóa, dịch vụ...)		50.000.000	100.000.000
IV Bankplus				
4.1	Chuyển khoản trong hệ thống Agribank		25.000.000	25.000.000
4.2	Thanh toán cước viễn thông Viettel		25.000.000	25.000.000

Hạn mức dịch vụ Agribank Mplus thực hiện khi có thông báo của Tổng Giám đốc

Ghi chú:

- (1) Token OTP cơ bản không có mã PIN - Không có chức năng xác thực người sử dụng Token gồm: Lava Token, Keypass Token
- (2) Token OTP cơ bản có mã PIN - Có chức năng xác thực người sử dụng Token, gồm: Basic Esigner Token
- (3) Soft OTP cơ bản có mã PIN - Có chức năng xác thực người sử dụng phần mềm, gồm: Basic Soft OTP
- (4) Token OTP nâng cao, bao gồm: Sign Esigner Token
- (5) Soft OTP nâng cao, bao gồm: Advance Soft OTP
- (6) Chỉ áp dụng hạn mức đặc biệt đối với khách hàng sử dụng phương thức xác thực Advance Soft OTP
- (7) Không áp dụng dịch vụ đối với khách hàng sử dụng dịch vụ không có mật khẩu
- (8) Hạn mức tối đa/ngày áp dụng cho tổng giá trị giao dịch của tất cả các phương thức xác thực.
- (*) Đối với khách hàng tổ chức, để sử dụng dịch vụ thanh toán và tài chính trên Internet Banking, người phê duyệt ở bước cuối cùng phải sử dụng phương thức xác thực loại (2), (3), (4) hoặc (5)

